

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2024.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Lê Huỳnh Sinh.

2. Ông Nguyễn Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị P, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở: Tổ dân phố 16, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Minh T, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày:

Bà và ông Phạm Minh T tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau, hai bên có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2013. Sau khi kết hôn

bà và ông T sinh sống cùng cha mẹ chồng tại nhà cha mẹ ở khu phố 3, phường Đ, thành phố P.

Quá trình chung sống, vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Từ năm 2019 cho đến nay bà và ông T không còn sống chung, bà đưa con Phạm Minh K, sinh ngày 06/7/2018 về Đắk Lắk sinh sống, còn ông T và con Phạm Lê Hải Đ, sinh ngày 15/01/2014 vẫn đang sinh sống cùng cha mẹ chồng bà tại khu phố 3, phường Đ, thành phố P. Từ ngày bà và ông T không còn sống chung bà cũng không gặp ông T, không ai quan tâm đến ai, cũng không ai đặt vấn đề hàn gắn quay lại. Do thời gian mâu thuẫn kéo dài và không còn chung sống cùng nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Phạm Lê Hải Đ, sinh ngày 15/01/2014 và Phạm Minh K, sinh ngày 06/7/2018. Ly hôn, bà sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K và giao cháu Đ cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Từ năm 2019 đến nay cháu K do bà trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Đ do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà và cháu K đang sinh sống tại Đắk Lắk, cháu Đ đang sống với ông T ở khu phố 3, phường Đ, thành phố P. Bà buôn bán thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng, còn ông T làm thợ sắt thu nhập trên 10.000.000 đồng/tháng, nên ông, bà đủ điều kiện để lo cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phạm Minh T: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị P khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Phạm Minh T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố

tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Minh T có nơi cư trú tại phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Ngày 28/8/2024 nguyên đơn bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông T nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68 ngày 04/11/2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T là do: Từ đầu năm 2019 bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ năm 2019 cho đến nay bà P và ông T không còn sống chung với nhau.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa bà P và ông T có xảy ra mâu thuẫn dẫn tới việc từ năm 2019 cho đến nay ông, bà không còn sống chung cùng nhau. Mâu thuẫn kéo dài nhưng không có ai mong muốn hàn gắn quay lại. Đối với ông T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, biết việc bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng ông T không đến Tòa án để làm việc, có thái độ bỏ mặc không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[2.2] Về con chung: Bà P và ông T có 02 con chung là Phạm Lê Hải Đ và Phạm Minh K. Bà P đề nghị giao con chung là cháu Đ cho ông T nuôi dưỡng, giao cháu K cho bà P nuôi dưỡng thấy rằng: Sau khi hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì từ năm 2019 cho đến nay cháu Đ do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Đ có nguyện vọng ở với ba. Còn cháu K do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà P buôn bán thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Các cháu đều đang có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường. Theo trình bày của bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của ông T xác nhận: Cháu K đang sinh sống cùng mẹ P, cháu Đ đang sinh sống với ba T, thu nhập của ông T là khoảng 10.000.000 đồng/tháng đủ khả năng để nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho ông T và giao cháu K cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu K nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối

với yêu cầu của bà P về việc không ai phải cấp dưỡng nuôi con thấy rằng: Từ năm 2019 cho đến nay, bà P và ông T đã trực tiếp nuôi các con, không ai đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con, mỗi người đều có nghĩa vụ, trách nhiệm nuôi con chung nên chấp nhận yêu cầu không ai phải cấp dưỡng nuôi con của bà P.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị P được ly hôn với ông Phạm Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Hải Đ, sinh ngày 15/01/2014 cho ông Phạm Minh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Giao cháu Phạm Minh K, sinh ngày 06/7/2018 cho bà Lê Thị P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông T và bà P không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002966 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND phường Đ, TP.PR-TC
(GCNKH số: 68 ngày 04/11/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Diệu